

SỬ DỤNG PHIM NGẮN ĐỂ TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Nguyễn Đức Can

Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: cannd@vnu.edu.vn

Article history

Received: 24/4/2024

Accepted: 16/5/2024

Published: 20/8/2024

Keywords

Smartphones, literary works, short films, teaching, high school

ABSTRACT

The use of technology in teaching in general and Literature teaching in particular is an urgent need today. As digital literacy and multimedia literacy become increasingly important, leveraging the power of smartphones for educational purposes provides rich learning experiences. This article focuses on exploring how to organize short film editing using smartphones to teach some literary works in the high school Literature program. The research results show that, compared to traditional teaching methods, applying new methods brings interesting learning experiences for students. This is an important basis for teachers to continue creating many educational short films, while emphasizing the potential of this method in promoting students' creativity and thinking in the age of technology.

1. Mở đầu

Đổi mới phương pháp dạy học là giải pháp cấp thiết để nâng cao chất lượng dạy và học trong bối cảnh đất nước bước vào thời kì CNH, HĐH. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động dạy học trở thành xu thế tất yếu và dần thay đổi phương pháp dạy học truyền thống sang phương pháp dạy học tích cực, giúp người dạy và người học phát huy khả năng tư duy, chủ động và đạt hiệu quả.

Phương pháp giảng dạy thông qua phim ngắn được biết đến là một trong những phương pháp ứng dụng CNTT trong giáo dục mang đến những ưu điểm tích cực và hiệu quả. Đồng thời, phương pháp này còn phù hợp với mục tiêu giáo dục “*dạy học theo hướng phát triển toàn diện, lấy HS làm trung tâm*” (Lã Phương Thúy, 2019). Phim ngắn được tạo ra phải đa dạng, phù hợp với đặc điểm đối tượng học tập, văn hóa địa phương... Do đó, để đạt được tính hiệu quả một cách tối ưu, đòi hỏi GV và HS phải thích nghi nhanh chóng, sáng tạo và làm chủ được công nghệ. Tuy nhiên, việc dựng phim ngắn cũng như ứng dụng phim ngắn vào giảng dạy còn gặp nhiều khó khăn, chưa được chú trọng dù nhận thức được lợi ích của phim ngắn đem lại.

Bài báo này tập trung tìm hiểu cách tổ chức dựng phim ngắn bằng điện thoại thông minh nhằm phục vụ giảng dạy một số tác phẩm văn học trong chương trình THPT.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu về sử dụng phim ngắn phục vụ giảng dạy

2.1.1. Khái niệm “phim ngắn”

Theo Viện Hàn lâm Khoa học và Nghệ thuật Điện ảnh Mỹ, *phim ngắn* (short film) là “một tác phẩm điện ảnh gốc có thời lượng từ 40 phút trở xuống, bao gồm cả những đoạn giới thiệu” (Academy of Motion Picture Arts and Sciences, 2011). Kabadayi (2012) cho rằng, phim ngắn là “loại hình sản xuất phim với cách sắp xếp cấu trúc ấn tượng để đạt được chủ đề mà nó muốn đề cập trong thời gian ngắn”. Một phim ngắn là phim không có thời lượng đủ dài để được cân nhắc là phim dài (feature film). Nói đến phim ngắn là nói đến việc dân chủ hóa việc làm phim, phim ngắn cũng có điểm gần gũi với “truyện ngắn” vì nó là một “lát cắt”, “một khoảnh khắc” của cuộc sống nhưng lại gọi ra vấn đề rất lớn và ý nghĩa.

Trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa giáo dục - phim ngắn và vai trò của phim ngắn trong giáo dục đối với HS trung học và đại học, Kabadayi (2012) cho thấy việc sử dụng phim ngắn dễ dàng phục vụ mục đích giáo dục tại thời điểm thực hiện và trong suốt quá trình học tập. Nhận thấy người học chỉ giành cho mình tối đa từ 16-20 phút trong giờ học để có thể tập trung vào bài giảng, việc sử dụng phim có tầm quan trọng đáng kể để thu hút sự chú ý trong thời gian dài, Wilson và Korn (2007) kết luận rằng trong quá trình giáo dục dựa trên lời nói có thể nhớ 70% những gì được dạy trong 10 phút đầu tiên và chỉ 20% những gì được dạy trong vòng 10 phút cuối cùng. Phim ngắn được xem xét dưới nhiều góc độ trong đó có HS phổ thông. Một trong những quan điểm này là phim ngắn cung cấp cho HS kĩ năng kể chuyện, giúp HS có năng lực nhận thức môi trường xung quanh và các sự kiện (Hunt et al., 2009).

Theo Đỗ Hương Trà và Trần Quang Hiệu (2015), nếu phim ngắn được sử dụng hiệu quả sẽ đạt đến một sự học tập đích thực của HS như: thúc đẩy động cơ học, nhận diện các đối tượng trong phim, dự đoán hành động của các đối tượng, phân tích diễn biến các đối tượng, kết nối các khái niệm, hay thậm chí là xây dựng bộ phim mới.

2.1.2. Những nguyên tắc sư phạm cần đảm bảo trong sử dụng phim ngắn phục vụ dạy học

Mục tiêu và nội dung giờ dạy: (1) GV luôn quan tâm đến trạng thái của HS, cố gắng động viên HS phát biểu ra những suy nghĩ của mình và khuyến khích HS tham gia hoạt động thật nhiều trong giờ học; (2) Các giờ dạy Ngữ văn nên được tích hợp với kiến thức các môn khác để giúp các em mở rộng và áp dụng chúng vào thực tế cuộc sống.

Sự tương tác trong lớp học: (1) Phân công đều các công việc cho các thành viên trong lớp; (2) HS tự do đưa ra ý kiến, trao đổi với bạn bè và tôn trọng các ý kiến của người khác.

Phương pháp giảng dạy: (1) HS tự khám phá và tích lũy kiến thức thông qua việc tiếp thu các hình ảnh, âm thanh và thông qua các hoạt động học tập; (2) HS được phép sử dụng nhiều kênh học tập khác nhau để đáp ứng tối ưu được mọi loại hình người học; (3) Phải luôn để HS tự tìm hiểu và phát hiện ra kiến thức thông qua các ví dụ và trực quan; (4) Bám sát đặc trưng của tác phẩm văn chương và tuyệt đối không lạm dụng sự hấp dẫn của nghệ thuật phim ảnh để giờ dạy bị phân tán và đi chệch hướng, xa rời triết lí nhân sinh của tác phẩm.

Không khí học và địa điểm học: (1) Không khí của buổi học nên phù hợp, hấp dẫn, tạo nên sự thoải mái cho HS có tâm thế tốt nhất khi tiếp thu kiến thức mới, tuy nhiên, cũng vẫn phải ở trong một khuôn khổ nhất định, tập trung vào việc học chứ không làm việc riêng; (2) Địa điểm tại một nơi có đủ điều kiện về phòng ốc, trang thiết bị học tập để khuyến khích sự chú ý và tập trung của HS.

Tài liệu và phương tiện dạy học: (1) Phương tiện cần sử dụng đúng mục đích và cẩn thận; (2) Tài liệu học tập cần phù hợp với mục đích, nội dung của bài học, có văn hóa, không ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục của nước ta. Thêm vào đó, nó cần có giá trị lâu bền, hợp với thời đại.

2.1.3. Quy trình xây dựng phim ngắn phục vụ dạy học

Bước 1. Lựa chọn tác phẩm và tạo kịch bản: Xác định tác phẩm trong chương trình học cần tạo phim ngắn và các cảnh quay phù hợp với nội dung của bài cần tái hiện.

Bước 2. Thu thập tài liệu và tạo bối cảnh: Nghiên cứu về tác phẩm và thời kì lịch sử, xã hội liên quan để hiểu rõ bối cảnh; tìm kiếm hình ảnh, video hoặc các tài liệu cần thiết; tạo bối cảnh thích hợp bằng cách sử dụng thực tế ảo tăng cường (AR) hoặc thực tế ảo (VR) để trực quan hóa không gian tác phẩm.

Bước 3. Lập kế hoạch và quay phim: Xác định vị trí quay và sắp xếp thời gian thực hiện; sử dụng điện thoại thông minh để quay các cảnh dựa trên kịch bản và ứng dụng chỉnh sửa video theo ý.

Bước 4. Chỉnh sửa và thêm hiệu ứng: Sử dụng ứng dụng chỉnh sửa video để tạo các hiệu ứng chuyển cảnh, màu sắc, ánh sáng, âm thanh và đánh dấu vị trí cảnh quan trọng để tăng tính thú vị, chân thực của phim.

Bước 5. Hiệu chỉnh và hoàn thiện: Xem lại phim để đảm bảo cốt truyện rõ ràng, hiệu ứng hợp lí, hình ảnh và âm thanh sắc nét; kiểm tra kĩ thuật (chỉnh sửa nếu có) đảm bảo video không có lỗi, chất lượng tốt.

Bước 6. Chia sẻ và sử dụng: Xuất phim từ ứng dụng chỉnh sửa video dưới định dạng thích hợp (ví dụ: MP4); chia sẻ phim với HS thông qua email, nền tảng trực tuyến hoặc dự án lớp học; sử dụng phim ngắn như một công cụ học tập trong lớp học để trình bày về tác phẩm văn học và khuyến khích thảo luận và phân tích sâu hơn.

2.2. Những yêu cầu trong tổ chức dựng phim ngắn bằng điện thoại thông minh phục vụ giảng dạy một số tác phẩm văn học

2.2.1. Tính khả thi của việc dựng phim ngắn bằng điện thoại thông minh trong dạy học văn học

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tạo ra rất nhiều thành tựu đột phá và được sử dụng trên tất cả các khía cạnh trong cuộc sống hằng ngày, nâng cao chất lượng của con người một cách rõ rệt (Nguyễn Tuấn Anh, 2022). Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2021) nhận thấy, với vai trò dẫn dắt xã hội, giáo dục là khía cạnh không thể không tham gia vào quá trình công nghệ hóa. Tuân theo quy luật đó, ứng dụng công nghệ vào giáo dục là một xu hướng tất yếu và cũng là nhiệm vụ cấp thiết đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Việt Nam. Với hàng loạt các mô hình học tập mới đang được áp dụng hiện nay, các phương pháp giáo dục truyền thống buộc phải có những thay đổi trong thập kỉ tới. Theo Nguyễn Quý Thanh và Tôn Quang Cường (2020), sự bùng nổ và phát triển của công nghệ giáo dục sẽ tạo ra những phương pháp giáo dục độc đáo và thúc đẩy sự phát triển rất nhiều giáo dục mang tính chuyển đổi sâu sắc; giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và đưa những trải nghiệm sáng tạo đến gần hơn với GV và HS.

Theo kết quả khảo sát Tiếng nói Trẻ em Việt Nam của Viện Nghiên cứu Quản lí Phát triển bền vững và Tổ chức Cứu trợ trẻ em năm 2020, cứ 3 trẻ em thì có 2 trẻ có thiết bị kết nối Internet (điện thoại di động, máy tính, máy tính bảng...). Trong đó, nhóm trẻ tiếp cận Internet bằng điện thoại thông minh đạt tỉ lệ 57.8% (dẫn theo Nguyễn Hữu Thanh, 2023).

Như vậy, nếu HS biết tận dụng thiết bị di động trong học tập, tải những ứng dụng phục vụ cho học tập về điện thoại để tự học mọi lúc, mọi nơi sẽ rất hữu ích. Đây là lợi thế vô cùng khả thi cho việc dựng sử dụng phim ngắn trong dạy học văn học. Bên cạnh đó, nhờ có sự tiện ích của điện thoại thông minh sẽ giúp việc sưu tầm tư liệu, lan truyền thông tin một cách nhanh chóng, từ đó tạo thành một cộng đồng học tập để dễ dàng dựng phim ngắn thành công và hiệu quả.

2.2.2. Quá trình dựng phim ngắn bằng điện thoại thông minh phục vụ giảng dạy một số tác phẩm văn học

Để tạo ra một phim ngắn trên điện thoại thông minh phục vụ giảng dạy một số tác phẩm văn học có chất lượng cần qua 3 giai đoạn chính:

- **Giai đoạn 1. Tiền sản xuất:** Trước hết, chuẩn bị kịch bản phim phục vụ học tập các tác phẩm phải đảm bảo tính chau chuốt, tỉ mỉ thì phim mới hấp dẫn, quá trình quay phim mới diễn ra thuận lợi được. Sau đó, cần phải chuẩn bị các yếu tố cần thiết để hiện thực hóa kịch bản sao cho phù hợp như: các thiết bị quay phim (điện thoại thông minh) có độ phân giải cao, sử dụng tốt. Điển hình với phim ngắn phục vụ cho việc thực nghiệm sư phạm giảng dạy văn bản “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến thuộc chương trình Ngữ văn 11, tác giả đã lấy bối cảnh là làng cổ Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội) để phù hợp với không gian mùa thu ở làng quê. Tuy nhiên, việc tìm được các chi tiết gây hứng thú cho HS khá là khó, vậy nên trong kịch bản, tác giả tập trung vào việc khai thác tối đa những cảnh đẹp của làng quê bình dị vào mùa thu; cùng với đó là một số chi tiết thú vị và tạo sự hứng thú, phấn khởi cho tiết học.

- **Giai đoạn 2. Giai đoạn sản xuất:** Đây là quá trình sẽ quay lại tất cả các cảnh phim được dự tính ở bước chuẩn bị. Trong quá trình quay tác giả lập một danh sách những cảnh quay kèm theo địa điểm cụ thể, sắp xếp thời gian quay theo trình tự, đánh dấu những chỗ cần quan tâm, những cảnh quay đặc biệt để tránh quay lại nhiều lần. Khi quay phim, cần quay ở nhiều góc khác nhau để đến giai đoạn 3 khi chỉnh sửa phim, có thể chọn những góc quay đẹp nhất. Tác phẩm “Thu điếu” chủ yếu là tả cảnh, bộc lộ cái đẹp của trời đất, của cảnh vật mùa thu; nên thay đổi nhiều góc quay và chọn những góc quay độc đáo, thú vị nhất như cảnh sắc bầu trời, cảnh ao làng thân thuộc mùa thu để gợi nhớ những ký ức của HS và đưa vào bộ phim.

- **Giai đoạn 3. Hậu kỳ:** Giai đoạn hậu sản xuất bắt đầu khi tất cả các cảnh quay đã hoàn tất, các cảnh quay sẽ được dựng, sắp xếp thành một bộ phim hoàn chỉnh. Người dựng phim sẽ lựa chọn các cảnh quay tốt nhất, sau đó cắt và chỉnh sửa sao cho chúng có thể tiếp nối nhau một cách trơn tru để tạo thành bộ phim. Trong bước này, hình họa có thể được thêm vào các cảnh phim cũng như chỉnh sửa màu sắc và các hiệu ứng đặc biệt nếu có. Ở phim ngắn về tác phẩm “Thu điếu” trong giai đoạn này tiến hành chỉnh sửa về màu sắc ở các phân cảnh hoài niệm, cắt ghép và lồng âm thanh, thêm các hiệu ứng vào để phù hợp với bối cảnh lịch sử, tâm trạng của tác giả đương thời và làm cho phim trở nên hấp dẫn hơn.

2.3. Thực nghiệm sư phạm

2.3.1. Mục đích, nhiệm vụ và kế hoạch tổ chức hoạt động

- Mục đích: Nâng cao hứng thú học tập của HS trong giờ học môn Ngữ văn, từ đó tạo điều kiện cho HS phát triển các năng lực tự học tích cực ở người học.

- Nhiệm vụ: (1) Triển khai dạy bài “Thu điếu” có sử dụng phim ngắn quay bằng điện thoại; (2) Đánh giá vai trò của việc sử dụng phim ngắn trong dạy học phân môn Ngữ văn, và qua đó điều chỉnh, hoàn thiện chương trình dạy học phù hợp; (3) So sánh kết quả bài dạy của lớp thực nghiệm để đánh giá sơ bộ hiệu quả của việc dạy học theo phương pháp sử dụng công cụ trực quan mà cụ thể ở đây là phim ngắn tự quay bằng điện thoại.

- Kế hoạch tổ chức hoạt động: Trên nguyên tắc bám sát mục tiêu và nội dung giờ dạy học tác phẩm “Thu điếu” đặc biệt chú ý tới triết lí nhân sinh của tác phẩm.

Bảng 1. Kế hoạch tổ chức dạy học văn bản “Thu điếu” (Ngữ văn 11)

Hoạt động của GV và HS	Kiến thức HS cần đạt
Hoạt động 1: Khởi động	
<p>1. Tổ chức hoạt động khởi động: GV chia lớp thành 4 nhóm, phát cho mỗi nhóm một tờ giấy A3 và yêu cầu HS thảo luận với nhau và vẽ ra những biểu tượng gắn với mùa thu.</p> <p>2. GV dẫn dắt vào bài: Thu là đề tài quen thuộc của thi nhân, có bài thơ nổi tiếng nói về mùa thu như “Tiếng thu” (Lưu Trọng Lư), “Tiên thu” của (Tản Đà)... Và cảnh thu điển hình mùa thu Bắc Bộ không thể không kể đến “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến.</p>	Giúp HS hình dung về cảnh tượng mùa thu ở quê hương mình, từ đó dễ dàng cảm nhận được không khí mùa thu khi tiếp cận tác phẩm.
Hoạt động 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm	
<p>- GV hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung khái quát của văn bản.</p> <p>1. Trò chơi ô chữ</p>	<p>I. Tìm hiểu chung:</p> <p>1. Tác giả</p>

<p>- GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với 4 tờ, HS đọc phần tiêu dẫn và đọc lướt tác phẩm để hoàn thành ô chữ và tìm ra từ khóa. Mỗi lần trả lời đúng sẽ được 5 điểm, tìm được từ khóa 20 điểm. Kết thúc trò chơi, nhóm nào được nhiều điểm nhất sẽ giành chiến thắng (có 11 câu hỏi tương ứng với 11 hàng ngang).</p> <p>2. Dựa vào kết quả đọc và nhìn vào ô chữ đã hoàn thành, hãy giới thiệu ngắn gọn bằng lời những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Khuyến và bài thơ Thu điếu.</p> <p>- GV mời 2 HS trình bày kết quả của mình, các bạn khác nhận xét.</p> <p>- GV chốt lại kiến thức.</p>	<p>Cung cấp cho HS nắm được những thông tin cơ bản như năm sinh, tên thật, quê quán, con người, sự nghiệp sáng tác và hoàn cảnh sáng tác bài thơ...</p>
<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu chi tiết</p>	
<p>GV chiếu phim ngắn đã được quay trước lên cho HS xem và hình dung, cảm nhận vẻ đẹp mùa thu ở vùng Bắc Bộ trong bài thơ.</p> <p>Link video: <i>(GV chuẩn bị phim ngắn cho bài dạy)</i></p> <p>Sau khi HS xem xong, GV đưa ra các câu hỏi để giúp HS hình dung ra được một phần nội dung của tác phẩm.</p>	<p>Sử dụng phim ngắn để tác động trực tiếp đến não bộ của HS, tạo ấn tượng về cảnh mùa thu trong tác phẩm, hỗ trợ HS tưởng tượng về quang cảnh mùa thu bình yên ở làng quê Bắc Bộ.</p>
<p>GV hướng dẫn HS đọc hiểu chi tiết văn bản</p> <p>1. Tìm hiểu điểm nhìn trong bài thơ</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm bàn, quan sát bài thơ và trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Điểm nhìn cảnh thu của tác giả có gì đặc sắc? Từ điểm nhìn ấy nhà thơ đã bao quát cảnh thu như thế nào?</p> <p>+ Hãy hình dung ánh mắt của người quan sát, cảm nhận bức tranh mùa thu và miêu tả theo gợi dẫn: Cảnh trong bài thơ quan sát được từ vị trí nào? Ánh nhìn của người quan sát di chuyển ra sao? Theo cái nhìn đó, những hình ảnh thiên nhiên hiện ra như thế nào?</p> <p>+ Xác định người cảm nhận cảnh mùa thu và bộc lộ tâm trạng trong bài thơ là ai?</p> <p>- GV mời đại diện các nhóm trình bày, GV nhận xét và chốt kiến thức.</p> <p>2. Cảm nhận bức tranh thiên nhiên trong bài thơ</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập: Cảm nhận của cá nhân HS về hiệp vần, bút pháp, các từ láy và hình ảnh.</p> <p>- GV mời 3 HS trình bày kết quả, các bạn khác bổ sung và nhận xét.</p> <p>- GV nhận xét và kết luận.</p> <p>3. Cảm nhận bức tranh tâm trạng trong bài thơ</p> <p>- GV đặt câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời:</p> <p>+ Nhận xét về không gian trong tác phẩm? Không gian ấy góp phần diễn tả tâm trạng như thế nào?</p> <p>+ Nếu cảm nhận chung của anh/chị về tâm trạng của cái tôi trữ tình trong bài thơ?</p> <p>+ GV chiếu slide:</p> <p>Những từ ngữ, hình ảnh sau có thể gợi ra tâm trạng gì của tác giả? (Ví dụ: (Lá vàng khẽ đưa) vèo; (Tầng mây) lơ lửng; (Ngõ trúc quanh co) vắng teo).</p> <p>+ GV mời 3 HS trình bày kết quả, GV nhận xét và bình giảng.</p> <p>- HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ Hai câu thơ cuối tác giả dừng lại ở hình ảnh nào?</p> <p>+ Trong không gian tĩnh lặng đó xuất hiện âm thanh gì? Tác dụng của âm thanh đó như thế nào?</p> <p>+ Gợi mở và liên hệ cho HS qua câu hỏi: Người đi câu trong “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến có mục đích bắt cá không? Bài thơ có quan hệ gì với hình ảnh Lã Vọng trong văn hóa Trung Quốc xưa? (Cung cấp thông tin điển tích Lã Vọng câu cá: “được bắt nguồn từ câu chuyện về sự lụi bại của nhà Thương và sự kiện trời dậy mạnh mẽ của người hiền tài. Thình cao nhân phò tá dựng nghiệp nhà Chu” để HS đối sánh).</p> <p>+ Tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì?</p> <p>+ Hãy diễn tả bằng ngôn từ hình dung của anh/chị về nhân vật trữ tình trong hai câu kết (gợi ý: tư thế, mong muốn, thủ pháp lấy động tả tĩnh, nỗi niềm u hoài, chìm đắm trong suy tư...).</p> <p>- GV bình giảng: tư tưởng “Trí quân trạch dân” nhưng cuối cùng rơi vào bi kịch “Cờ đang dở cuộc không còn nước; Bạc chưa thổi canh đã chạy làng”.</p>	<p>II. Đọc - hiểu</p> <p>1. Cảnh thu</p> <p>- Điểm nhìn từ trên thuyền câu, nhìn ra mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngõ vắng, trở về với ao thu (từ gần đến cao xa đến gần).</p> <p>2. Bức tranh thiên nhiên</p> <p>- Bức tranh thu trong sáng, thanh đạm, mang hồn dân già của làng quê Việt Nam. Cảnh sắc thu đẹp nhưng tĩnh lặng vắng bóng người. Ở đây, Nguyễn Khuyến đã thức dậy trong ta cái hồn quê, đã trả lại cho ta cái vẻ đẹp thuần khiết Việt Nam. Qua đó, ta thấy tình yêu quê hương, gắn bó với làng quê của Nguyễn Khuyến.</p> <p>3. Cảm nhận bức tranh tâm trạng trong bài thơ</p> <p>- Một tâm hồn thu thanh đạm, tinh khiết, đó là hình ảnh một làng quê thật quanh què, trống vắng, cảnh sắc như gợi ra cuộc sống của những người chân quê ở đây có cái gì nhỏ bé, ẩn nhẫn.</p> <p>- Bài thơ tả cảnh để ngụ tình, mượn cảnh để nói tình theo lối đề vịnh. Trong hoàn cảnh nước rơi vào tay giặc, Nguyễn Khuyến muốn tìm sự bình yên khi trở về với làng quê, với các thú vui dân già nhưng vẫn không thể thôi trăn trở, ưu tư.</p> <p>- Tâm hồn gắn bó tha thiết với thiên nhiên, đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng không kém phần sâu sắc.</p>

GV tổng kết và củng cố bài học:**1. Giá trị nội dung****2. Đặc sắc nghệ thuật**

(Phần 1 và 2: GV chốt lại nội dung và nghệ thuật của tác phẩm)

3. Củng cố và mở rộng

(GV giao bài tập về nhà cho HS làm bài tập theo nhóm)

Hãy thử sử dụng điện thoại thông minh của mình và quay một bộ phim có nội dung bất kì trong khoảng từ 5 đến 7 phút và nộp lại sản phẩm vào tiết học sau.

- Bài thơ thể hiện sự cảm nhận về cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm trạng thời thế và tài thơ Nôm của tác giả.

- Tác giả bằng bút pháp của mình đã vẽ lên hiện thực với hình ảnh, từ ngữ đậm chất dân tộc.

2.3.2. Phương pháp thực nghiệm

Quá trình thực nghiệm được tiến hành theo trình tự: phát phiếu khảo sát với HS lớp 11D9 (học kì 2, năm học 2019-2020) về vấn đề áp dụng công cụ trực quan trong việc dạy học một số tác phẩm văn học, phương pháp dạy học tác phẩm thơ “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến, từ đó so sánh việc học tác phẩm trung đại có sử dụng phim ngắn và việc học tác phẩm trung đại bình thường. Từ đó có cái nhìn bao quát về tình hình dạy tác phẩm văn học, nhất là văn học trung đại tại khối 11 Trường THPT Phan Đình Phùng. Trong quá trình thực nghiệm sẽ trao đổi với Tổ trưởng chuyên môn, GV giảng dạy. Sau khi thực nghiệm phát phiếu khảo sát đối với HS lớp thực nghiệm 11D9 sẽ đối sánh sự thay đổi về nhận thức và mức độ hứng thú của các HS.

2.3.3. Đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm

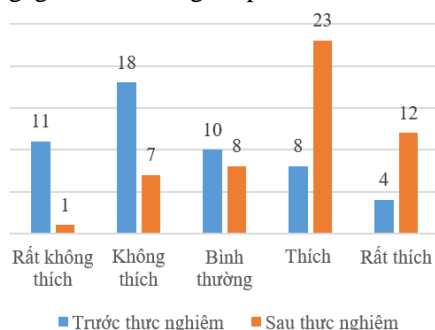
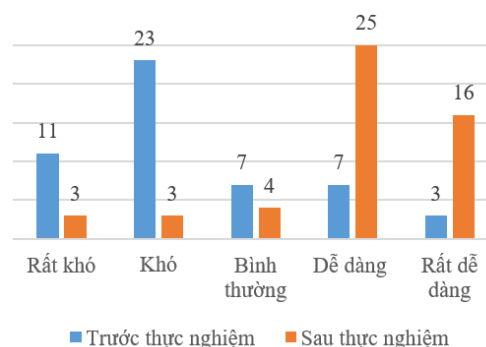
Kết quả khảo sát 51 HS lớp 11D9 Trường THPT Phan Đình Phùng cho thấy, phần lớn các em đã từng nghe về việc sử dụng phim ngắn hoặc clip trong dạy và học phân môn Văn học (n=45) chiếm 88%, đa phần HS chưa từng/ít được trải nghiệm học tập bằng phương pháp này; chỉ có một số ít HS chưa bao giờ từng nghe tới (n=6) chiếm 12%. Và khi được hỏi về mức độ cần thiết của việc sử dụng phim ngắn vào dạy học Ngữ văn thì 87% các em đánh giá từ cần thiết đến rất cần thiết, chỉ 13% cho rằng nó khá cần thiết. HS cảm thấy mình rất hứng thú nếu được GV sử dụng phương pháp này chiếm 100%.

Bảng 2. Mức độ yêu thích của HS với học tập tác phẩm “Thu điếu” thông qua phim ngắn

STT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Những hình ảnh chân thực về những gì diễn trong tác phẩm tại hiện chân thực.	0	1	13	8	29
2	Những hình ảnh, âm thanh sống động sẽ tạo thêm sức hấp dẫn cho tiết học.	1	1	12	22	15
3	Sẽ hiểu hơn về những từ khó, những chi tiết khó tưởng tượng nếu chỉ đọc tác phẩm.	0	0	5	12	34
4	Trong quá trình xem phim ngắn có thể trao đổi, thảo luận với bạn bè, thầy cô về những nội dung mình thích, không hiểu về tác phẩm.	3	3	15	13	17
5	Dễ dàng liên tưởng, ghi nhớ những câu chữ trong tác phẩm thay vì chỉ đọc sách giáo khoa	0	4	8	28	11

(Ghi chú: 1. Rất không thích, 2. Không thích, 3. Bình thường, 4. Thích, 5. Rất thích)

Qua khảo phân tích bảng 2 cho thấy, phần lớn HS từ thích đến rất thích với học tập các tác phẩm văn học thông qua hệ thống hình ảnh/video vì sự tái hiện chân thực; sống động tạo nên sự hấp dẫn và hiểu hơn về những từ, chi tiết khó hình dung nếu chỉ đọc tác phẩm. Ngoài ra, HS còn có cơ hội trao đổi với bạn bè, tương tác với thầy cô và liên tưởng, ghi nhớ dễ dàng tác phẩm.

**Biểu đồ 1. Sự thay đổi về hứng thú học trước và sau khi tiến hành thực nghiệm****Biểu đồ 2. Sự thay đổi nhận thức về cách tiếp thu kiến thức trước và sau thực nghiệm**

Biểu đồ 1, 2 thể hiện rất rõ tác động của phương pháp dạy học sử dụng công cụ trực quan (ở đây là phim ngắn) đối với hứng thú cũng như sự tiếp thu của HS là rất lớn. Trước thực nghiệm, khi học với phương pháp truyền thống, đa số HS (56.9%) đều rất không thích đến không thích thú và cũng có đến 66.7% HS cho rằng tác phẩm này rất khó để tiếp cận. Tuy nhiên, sau khi thực nghiệm đã cho ra một kết quả vô cùng tích cực. Số HS thích đến rất thích thú chiếm tỉ lệ 68.6% và HS đã thay đổi quan điểm cho rằng mình có thể tiếp thu kiến thức dễ dàng đến rất dễ dàng với học tập thông qua phim ngắn (chiếm 80.4%). Đây là một tín hiệu rất đáng mừng trong việc thay đổi phương pháp dạy học Ngữ văn, cụ thể là đối với các tác phẩm văn học để nâng cao chất lượng giáo dục.

Về phía nhận xét của GV và Tổ chuyên môn cũng đã nhận được ý kiến góp ý rất tích cực về phương pháp dạy học mới này thông qua dự giờ tiết dạy thực nghiệm. Các thầy, cô cho rằng phương pháp này giúp tăng thêm bầu không khí sôi động cho lớp học, giúp HS có hứng thú với môn học, phát triển nhiều những năng lực và hơn hết nâng cao chất lượng dạy và học, gắn kết tình bạn trong lớp hay tình thầy trò.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sau khi được trải nghiệm học tập thông qua phim ngắn, HS thích thú đến rất thích thú và thay đổi quan điểm bản thân với việc tiếp thu kiến thức so với phương pháp dạy học truyền thống. Nhờ tính phổ biến của điện thoại thông minh, tính thuận tiện trong việc dựng phim ngắn và tính linh hoạt chỉnh sửa, dễ dàng chia sẻ đã làm cho phương pháp này dần chiếm ưu thế.

Qua quá trình nghiên cứu và thực nghiệm, tác giả nhận thấy GV cần phải chú ý đến một số lưu ý để đã tối ưu hóa việc giảng dạy một số tác phẩm văn học bằng phim ngắn: *Thứ nhất*, GV cần tận dụng tối đa tiềm năng của điện thoại thông minh trong giảng dạy, tiếp tục nghiên cứu và phát triển các ứng dụng, công cụ và phương pháp học tập sáng tạo liên quan đến việc dựng phim ngắn; *Thứ hai*, GV cần được đào tạo và hỗ trợ để hiểu và sử dụng thành thạo về CNTT trong giảng dạy; *Thứ ba*, GV cần trao cơ hội cho HS tham gia vào quá trình tạo ra các phim ngắn liên quan đến tác phẩm văn học và đặt người học làm trung tâm; *Thứ tư*, GV phải tổ chức theo dõi, đánh giá và chia sẻ kinh nghiệm để đo lường hiệu suất của việc sử dụng phim ngắn trong giảng dạy và xác định được điểm mạnh và yếu để cải thiện quá trình này. Điều này có thể giúp tạo ra một cộng đồng học tập chia sẻ và phát triển.

Tài liệu tham khảo

- Academy of Motion Picture Arts and Sciences (2011). *Rule Nineteen: Short Films Awards*. <https://www.oscars.org/oscars/rules-eligibility>
- Đỗ Hương Trà, Trần Quang Hiệu (2015). Sử dụng phim học tập trong tiến trình dạy học nhằm hình thành năng lực giải quyết vấn đề học sinh. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 3*, 142-144.
- Hunt, G. H., Wiseman, D. G., & Touzel, T. J. (2009). *Effective teaching: preparation and implementation*. Charles C Thomas Publisher.
- Kabadayi, L. (2012). The role of short film in education. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 47, 316-320.
- Lã Phương Thúy (2019). Sử dụng công nghệ trong dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 458, 32-36.
- Nguyễn Hữu Thanh (2023). Tăng cường bảo vệ trẻ em trước tác động của mạng Internet hiện nay. *Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội*, 12, 92-100.
- Nguyễn Quý Thanh, Tôn Quang Cường (2020). *Những xu thế mới của công nghệ trong giáo dục*. Cổng thông tin điện tử Học viện Cảnh sát nhân dân. <https://hvcsnd.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/dai-hoc-40/nhung-xu-the-moi-cua-cong-nghe-trong-giao-duc-6543>
- Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2021). *Vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học đại học hiện nay*. Tạp chí Công thương. <https://tapchicongthuong.vn/vai-tro-cua-viec-ung-dung-cong-nghe-trong-day-va-hoc-dai-hoc-hien-nay-82252.htm>
- Nguyễn Tuấn Anh (2022). *Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến thế giới, khu vực và Việt Nam*. Tạp chí Cộng sản. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825809/tac-dong-cua-cuoc-cach-mang-cong-nghe-lan-thu-tu-den-the-gioi%2C-khu-vuc-va-viet-nam.aspx>
- Wilson, K., & Korn, J. H. (2007). Attention during lectures: Beyond ten minutes. *Teaching of Psychology*, 34(2), 85-89.